

Số: 03/2021/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến;
chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực
không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 02**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 7675/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường).

Điều 2. Khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi

1. Khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gồm:

a) Toàn bộ các phường, xã thuộc thành phố Biên Hòa.

b) Toàn bộ các phường thuộc thành phố Long Khánh (trừ các phường Bàu Sen, Xuân Lập, Suối Tre, Xuân Tân, Bảo Vinh).

c) Toàn bộ các phường thuộc thị xã.

d) Toàn bộ các thị trấn thuộc các huyện (trừ khu phố 4, khu phố 6 và khu phố 7 thuộc thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu).

đ) Các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư theo quy hoạch, khu vực phát triển đô thị đã được xác định, định hướng trong các hồ sơ quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi (trừ cơ sở nuôi chim yến) xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều này thì phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trước ngày 01/01/2025, các cơ sở không ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc không di dời sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Vùng nuôi chim yến

1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Việc xây dựng, hoạt động nuôi chim yến trong vùng nuôi chim yến phải đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Chăn nuôi và khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Đối với các nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này thì phải giữ nguyên hiện trạng, không được coi nói và đảm bảo theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ và các quy định hiện hành có liên quan; các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi (trừ các cơ sở nuôi chim yến) quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi di dời

đến địa điểm phù hợp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tính từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi.

- Đối với chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi: 4 triệu đồng/cơ sở.

- Đối với trang trại quy mô vừa và trang trại quy mô lớn được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi: 6 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư đối với dự án chăn nuôi mới.

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay theo hợp đồng vay vốn trong hai năm đầu, 50% lãi suất vốn vay trong năm thứ ba. Mức hỗ trợ lãi suất trong ba năm không quá 300 triệu đồng đối với trang trại quy mô lớn, 150 triệu đồng đối với trang trại quy mô vừa, 60 triệu đồng đối với trang trại quy mô nhỏ. Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại từng thời kỳ. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng.

2. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Mỗi cơ sở chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần. Chính sách quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi đã được hưởng các chính sách tương tự từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp cùng nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

b) Địa điểm chăn nuôi di dời đến phải đảm bảo các điều kiện chăn nuôi theo quy định.

c) Các cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ di dời phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

3. Điều kiện được hỗ trợ:

a) Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh sách phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Có dự án đầu tư chăn nuôi tại địa điểm mới, đảm bảo quy mô chăn nuôi trang trại được quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ, đáp ứng các khoảng cách an toàn theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được hỗ trợ chính sách tại Điều 4 Nghị quyết này, lập hồ sơ gửi về Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi cơ sở chăn nuôi phải di dời, thành phần hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ.

b) Biên bản ghi nhận hiện trạng ngưng chăn nuôi tại địa điểm phải di dời của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Hợp đồng vay vốn tại các tổ chức tín dụng, giấy nhận nợ tại các tổ chức tín dụng và chứng từ thanh toán cho tổ chức tín dụng.

d) Bảng kê lãi suất đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới đề nghị được hỗ trợ.

đ) Bảng kê trả lãi vay có xác nhận của tổ chức tín dụng.

e) Biên bản đánh giá điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô nhỏ và quy mô vừa, giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách tỉnh cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, thực hiện.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ có đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo